

DUY-MA NGHĨA KÝ

QUYỂN 2 (Phần 2)

Kế đến Đức Phật bảo La-hầu-la đến thăm bệnh. Đối với tám vị trước thì nói về thực hành pháp tu, còn đối với ngài La-hầu-la thì nói về pháp phát tâm xuất gia. La-hầu-la là con của Phật, Hán dịch là Phú Chướng, cũng gọi là Bất Phóng. Vì đã ở trong thai sáu năm, nên gọi là Phú Chướng, Bất Phóng. Vì sao ở trong thai đến sáu năm? Vì nhân duyên đời trước, như kinh nói: La-hầu-la kiếp trước vốn là một vị vua, có một vị Sa-môn cầu xin gặp mặt, nhưng đợi sáu ngày mà không cho gặp, nên nay chịu quả báo này. Vả lại vào thời quá khứ đã lấp bít hang chuột nên nay chịu quả báo này. Khi Đức Phật sắp xuất gia, Phụ vương sợ quốc gia không người kế vị nên lưu giữ không chấp nhận, Bồ-tát lúc bấy giờ bèn chỉ tay vào bụng của hoàng phi mà nói rằng: “Sau sáu năm sẽ sinh một hoàng nam”, về sau tức ứng nghiệm, Phật xuất gia sáu năm, mới sinh La-hầu-la. Nhân duyên lúc mới sinh như kinh đã nói. Khi Đức Phật thành đạo trở về cung thì La-hầu-la mới năm, sáu tuổi. Khi sắp đến, Như Lai bèn biến một ngàn vị Tỳ-kheo đều giống như mình, nhưng La-hầu-la vẫn chạy thẳng đến Phật, Đức Phật dùng tay xoa đầu và đưa về Tinh xá. Bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên độ xuất gia. Sau khi xuất gia, La-hầu-la thích nói nhiều, khoe khoang với người khác. Một hôm Đức Phật y theo pháp răn dạy, từ đó về sau dù có người đánh hoặc mắng chửi vẫn không sân hận, Phật khen là người nhẫn nhục trì giới, đệ nhất về mật hạnh, hôm nay được Đức Phật bảo đến thăm bệnh. Văn gồm hai phần: Đầu tiên là sai bảo, sau là từ chối. Trong phần từ chối thì đầu tiên nêu tổng quát, kế đó giải thích và sau cùng là kết luận.

Trong phần giải thích, đầu tiên ghi “Vì sao?” là nêu lên trước để phát khởi lời giải thích sau, kế đó là luận bàn. Phần này gồm ba đoạn:

1. Nêu nguyên nhân khi xưa bị quả trách.
2. Từ câu “Bấy giờ ông Duy-ma đến nói với con rằng...” là lời quả trách.

3. Từ câu “khi ấy ông Duy-ma-cật bảo các Trưởng giả tử...” là nêu sự lợi ích của việc quở trách giáo hóa.

Đoạn đầu nói “nhớ khi xưa” là nêu thời gian bị quở trách; “Tỳ-da-ly...” là nêu sự việc bị quở trách. Trước tiên là hỏi sau là đáp. Vì sao các Trưởng giả tử phải thưa hỏi? Vì thấy La Vân bỏ những điều quá quý trọng mà chưa đạt được gì, cho nên lấy làm kỳ lạ mà hỏi. Nói “Các Trưởng giả tử ở thành Tỳ-da-ly” là nêu người hỏi; “Đến chỗ ở của con...” là nói về phương tiện thưa thỉnh; “hỏi con rằng...” là lời thưa hỏi; “Thưa ngài La-hầu-la”, là cung kính thưa hỏi người, “ngài là con Phật, bỏ ngôi vị Luân vương” là nêu lên quả báo xả bỏ quá quý trọng. Ngài La-hầu-la nếu chẳng xuất gia thì làm Thiết Luân vương, thống trị cõi Diêm-phù-đề, cho nên nay nêu lên việc La Vân lấy xuất gia làm đạo, để nói về chỗ làm của ngài. An thân trong cõi tục thì gọi đó là nhà. Bỏ áo quần thế tục đắp ca sa gọi là xuất gia cầu đạo. Xuất gia có lợi ích gì? Là hỏi về những điều đạt được. Từ câu “La-hầu...” trở xuống là lời đáp. “Con liền y theo kinh mà nói về công đức xuất gia”, nghĩa là y theo kinh Công đức xuất gia; kinh nói “Nếu người giết hại chúng sinh trong cõi Tam thiên, hoặc móc mắt của chúng sinh trong cõi Tam thiên, thì tội ấy thật vô lượng, nhưng phước đức của người xuất gia lại hơn cả họ, La-hầu-la nên nói về lợi ích này”.

Thứ hai, lời quở trách chỉ dạy, vì sao? Vì muốn chỉ dạy cho La-hầu-la và các Trưởng giả tử lìa tướng, chánh xuất gia. “Lúc bấy giờ ông Duy-ma-cật đến và nói với con rằng”, là nêu tổng quát, sau đó là phân biệt chỉ bày. Trong phân biệt thì trước quở trách, từ câu “phàm xuất gia...” trở xuống là như pháp chỉ dạy. Câu “Chẳng nên nói lợi ích của xuất gia, mà nên nói”, là phần quở trách; từ câu “vì sao” trở xuống là phần giải thích. Trong đó trước nêu lên sau giải thích.

“Không có lợi ích, không có công đức là xuất gia” tức nêu điều đúng để chỉ rõ điều sai. “Pháp hữu vi thì có thể nói có lợi ích có công đức...” tức nói điều sai khác với điều đúng. Lạc (vui thích) thì gọi là lợi, thiện là công đức. La-hầu-la cho việc xả tục là xuất gia, cho nên đối với khổ của thế tục mà nói là vui và lấy đó làm lợi, đối với sự sai trái của tà nghiệp tục gia mà nói Thiện và lấy đó làm đức. Ông Duy-ma lấy lìa tướng làm xuất gia, nên nói không có lợi ích, không có công đức là xuất gia, có lợi ích có công đức là tại gia, thuộc về hữu vi, cho nên nói hữu vi thì có lợi ích có công đức. Trên là quở trách, sau đây là chỉ dạy. Trong đó trước là phân biệt riêng, từ câu “Nếu có thể...” trở xuống là kết luận khen ngợi. Trong phần phân biệt riêng lại có hai:

1. Căn cứ câu hỏi trước để chỉ dạy.

2. Từ câu “phàm người xuất gia không có đây kia...” trở xuống là nêu chung tất cả pháp xuất gia để chỉ dạy.

Đầu tiên nói “Phàm xuất gia” là nêu chung. “Là pháp vô vi” là nêu lên chỗ mong cầu. “Trong pháp vô vi thì không có lợi ích không có công đức” là nói về chỗ xa khỏi. Trong phần chỉ dạy chung nói “Phàm người xuất gia” là nêu tổng quát, sau đó là chính thức chỉ dạy. Trong đó, trước căn cứ theo tự hành để chỉ dạy; từ câu “hàng phục các ma...” trở xuống là căn cứ theo hóa tha để chỉ dạy. Trong đoạn tự hành, trước tiên ghi “không bĩ không thử, lia sáu mươi hai kiến” là dạy chỗ ra khỏi. Không ở bên kia, không ở bên này cũng không ở khoảng giữa” là dạy lia tướng. Tại tục gia là thử, xuất gia là bĩ. Lấy xuất gia làm phương tiện bỏ thử hưởng đến bĩ, gọi là khoảng giữa; những việc này ở đây đều chẳng phải. Cũng có thể gọi sinh tử là thử, Niết-bàn đoạn trừ kết sử gọi là bĩ, Thánh đạo là khoảng giữa, ở đây không có những việc này. Lia sáu mươi hai kiến là dạy xả bỏ tình chấp. sáu mươi hai kiến thì sau sẽ luận đủ. Ở đây chỉ dạy chỗ ra khỏi, trụ nơi Niết-bàn... Là chỉ dạy chỗ vào. “Trụ ở Niết-bàn” là nói về chỗ vào. Nghĩa là trụ nơi pháp tánh Niết-bàn vô vi; giống pháp hữu vi vô vi nói ở trước. Niết-bàn nói ở trước là chỗ thọ nhận của bậc trí trước thập địa. Lại là chỗ hành xử của bậc Thánh Thập địa, cho nên phải trụ nơi đó. Bồ-tát trước Thập địa nương vào giáo sinh giải ngộ cho nên gọi là bậc trí, nương vào giáo tin thuận gọi là thọ nhận; Bồ-tát thập địa kế hợp chánh đạo, nên gọi là bậc Thánh, tâm bậc Thánh dạo nơi pháp nên gọi là hành, pháp tánh Niết-bàn là chỗ y cứ của hành, nên gọi là hành xứ. Trên là dạy về tự hành, sau đây là nói về lợi tha. Trong đó, trước dạy hàng ma, từ câu: “phá dẹp...” trở xuống là dạy chế phục ngoại đạo. Đầu tiên nói hàng ma là hàng người ma, nói vượt năm đường là phá hoại pháp ma. Về pháp ma lại có ba:

1. Nêu lên chỗ ra khỏi để dạy vượt năm đường; Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, người, trời là năm đường; trừ nhân lia quả gọi là vượt qua.

2. Nói về pháp tu để dạy thanh tịnh năm nhãn, năm lực... năm nhãn như Biệt chương giải thích, ở đây chỉ nêu lên. Căn lực là thực hành tín, tấn, niệm, định và trí tuệ; khởi đầu gọi là Căn, cuối cùng gọi là Lực.

3. Nói về chỗ xa lìa để chỉ dạy lìa nghiệp ma. Chẳng nào hại người khác, chẳng phá hoại pháp thiện của người, xa lìa các pháp ác, chẳng phát khởi lỗi lầm.

Trong phần chế phục ngoại đạo nói “phá dẹp ngoại đạo” là chế

phục người tà; nói “Siêu việt giả...” là phá pháp tà. Trong phá pháp cũng có ba:

1. Nói về chỗ ra khỏi.
2. Từ câu “trong ôm lòng vui...” là nói về pháp tu tập.
3. Từ câu “lìa chúng...” là nói về chỗ xa lìa.

Trong phần đầu nói ra khỏi phiền não nghiệp khổ. Siêu việt giả danh là nói ra khỏi khổ. Quả báo sinh tử hư giả mà có nên gọi giả danh, đã chứng thật tế thì trừ bỏ, nên nói siêu việt. Nghĩa của giả danh đã luận đủ trong Biệt chương, ở đây chỉ nêu tóm lược. Kinh nói có bốn:

1. Sinh tử giả danh, Niết-bàn chẳng phải giả danh, như ở đây nói sinh tử phù hư giả danh mà có, cho nên gọi giả danh, Niết-bàn chân thật, vì thế chẳng giả.

2. Niết-bàn giả danh, sinh tử chẳng giả, như Niết-bàn nói, Niết-bàn không danh giả mà lập danh, nên gọi giả danh, pháp sinh tử thật danh là hữu, nên chẳng phải giả.

3. Sinh tử Niết-bàn đều là giả danh, như Địa Trì nói thể của sinh tử Niết-bàn đều là pháp nhân duyên giả hữu, nên nói là giả, nêu danh xưng giả nên gọi là giả danh, giả danh tự. Vả lại pháp sinh tử Niết-bàn cùng nương nhau kiến lập, nên gọi là giả danh.

4. Sinh tử Niết-bàn đều chẳng giả; phước danh cầu thể, pháp như như, lý chân thật, cho nên chẳng phải giả; pháp chân lìa danh nên chẳng phải giả danh. Vì thế trong Địa trì nói: “Tất cả pháp lìa ngôn thuyết, lìa giả danh”.

Nay y cứ theo môn đầu tiên, cho nên nói sinh tử là giả danh. Đạt được Niết-bàn, cầu xa lìa gọi là vượt qua. Kế đó nói ra khỏi phiền não, trong đó gồm bốn câu; câu đầu nói ra khỏi bần lầy là dạy đoạn ái; ái hay làm nhiễm ô như bùn. Đoạn trừ gọi là ra khỏi. Câu hai nói không chấp trước, là nói vì không có ái nên không chấp trước năm trần. Câu ba nói không ngã sở là dạy trừ các kiến. Chẳng chấp ngã nhân và ngã sở gọi là không ngã sở. Câu bốn nói không có sở thọ là nói vô kiến, cho nên chẳng thích pháp tà. Sau đây là nói về việc ra khỏi nghiệp. Dùng tà pháp của ngoại đạo dạy người, gọi là nhiễu loạn, đoạn trừ gọi là không. Ngoài ra còn có sự giải thích khác. Trong đó, về chỗ ra khỏi thì gồm bốn nghĩa:

1. Vượt giả danh, ra khỏi quả sinh tử.

2. “Ra khỏi bần lầy...” là trừ nhân phiền não. Nhân có kiến và ái. Đầu tiên nói ra khỏi bần lầy là trừ ái, không chấp trước... là đoạn kiến. Nói không chấp trước là đoạn ngã kiến, không ngã sở là lìa ngã sở kiến.

Đây là một đôi trước.

3. Không có chỗ thọ; ra khỏi quả sinh tử, xa lìa cả năm đường, nên không chỗ thọ.

4. Không nhiều loạn là nói đoạn nhân nghiệp; đây là một đôi.

Trước là nói về chỗ ra khỏi. Kế đến là nói về pháp tu tập. Trong tâm vui thích, giúp đỡ người là tu tập hạnh lợi tha. Đối với việc làm của người, tâm không đố kỵ, nên gọi là bên trong ôm lòng vui thích. Thân miệng thuận nhau, gọi là hộ trì ý nghĩa của người. Nói tùy thiên định tức tu hạnh tự lợi. Ham muốn ít, biết đủ, hộ trì căn... thì có thể sinh thiên định, vì thế nói là tùy. Sau đây là nói về chỗ xa lìa. Đoạn trừ tất cả điều ác, gọi là xa lìa các lỗi. Trên đã phân biệt chỉ dạy; “Nếu có thể như thế là chân xuất gia”, là câu kết luận tán thán để hiển thị sự thù thắng, khiến mọi người tu học.

Thứ ba, nói về lợi ích của sự chỉ dạy, gồm có bốn câu:

1. Ngài Duy-ma-cật khuyên các Trưởng giả tử nên cùng xuất gia. Trước khuyên, sau giải thích.

2. Trưởng giả nêu cha mẹ để từ chối.

3. Duy-ma-cật chỉ dạy khuyên phát tâm xuất gia; phát tâm Bồ-đề gọi là xuất gia, gọi là cụ túc; lìa đường ác cầu chân thật gọi là phát tâm; vì phát tâm nên xa lìa các điều ác; lìa tất cả các điều ác của Sa-di gọi là xuất gia, đoạn tất cả lỗi của Tỳ-kheo gọi là Cụ túc. Nghĩa của tâm Bồ-đề như Biệt chương giải thích rõ, ở đó đã luận đủ.

4. Trưởng giả tử như lời dạy phát tâm; trước từ chối sau giải thích. Từ câu “Cho nên con...” trở xuống là kết luận.

Kế đó Đức Phật bảo A-nan đến thăm bệnh. Đối với chín vị trước mà nói về nhân hạnh, sau đây đối với A-nan mà nói về quả Phật. A-nan-đà là em chú bác với Đức Phật, Hán dịch là Hoan Hỷ, nghĩa của Hỷ có ba, như trước đã giải thích. Ngài là người Đa văn bậc nhất trong hàng đệ tử Phật, nên nay được Đức Phật sai bảo. Toàn văn gồm hai là trước sai bảo, sau từ chối. Trong phần từ chối thì đầu tiên nêu tổng quát, từ câu “Vì sao...” trở xuống là giải thích, từ câu “Vì thế...” là kết luận. Trong phần giải thích, đầu tiên ghi “Vì sao” là nêu lên trước để dẫn khởi văn sau, kế đó là đối luận giải thích. Theo văn thì gồm năm đoạn:

1. Nêu nguyên nhân khi xưa bị quả trách.

2. Từ câu “thôi, thôi!...” trở xuống là lời quả trách chỉ dạy.

3. Từ câu “Bạch Thế Tôn! Bấy giờ con thật ôm lòng hổ thẹn...” là nêu tự kỷ kém khuyết.

4. Từ câu “Liền nghe...” trở xuống là nói về việc trên hư không

phát ra âm thanh để hòa hợp hai nhà.

5. Từ câu “Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma có trí tuệ biện tài...” trở xuống là kết luận tán thán ông Duy-ma, để nêu lên mình chẳng bằng.

Trong đoạn đầu ghi: “Nhớ khi xưa” là nêu thời gian bị quở trách, từ “Thế Tôn...” trở xuống là nêu sự việc quở trách, có ba câu:

1. Phật có bệnh, A-nan xin sữa.
2. Ông Duy-ma hỏi.
3. A-nan đáp.

Theo văn có thể biết được.

Đoạn thứ hai, ngài Duy-ma quở trách chỉ dạy. Vì sao như thế? Vì muốn khiến A-nan và người đời biết Phật thường lạc vô vi, không phiền não mà dứt bỏ tà kiến vui thích mong cầu, vì thế mà quở trách chỉ dạy. Trong đó gồm bốn câu:

1. Quở trách bảo dừng.
2. Từ câu “Im lặng mà đi...” là bảo A-nan đi về.
3. Từ câu “đi vậy...” là bảo đi mau; từ câu “Có thể bí mật...” là bảo lặng lẽ mà đi.

Đoạn thứ nhất, trước quở trách, sau chỉ dạy. “Thôi, thôi! A-nan chớ nói như thế!” là lời quở trách; “Như Lai...” là lời chỉ dạy. “Thân Như Lai là thể kim cương”, là nói thân Phật kiên cố, khó hủy hoại giống như kim cương; “Các việc ác đã đoạn, các việc thiện tụ hội” là nói Phật đầy đủ các đức. “Các điều ác đã đoạn” là đoạn đức viên mãn. “Các việc thiện tụ hội” là hành đức đầy đủ. Đây là nói về đức có được. “Vậy có bệnh gì?” “có phiền não gì”? Là nói về đức có được. “Vậy có bệnh gì?” là nói bên trong không có bệnh khổ; “Có phiền não gì?” tức nói bên ngoài không có suy tổn.

Đoạn hai, bảo ngài A-nan rời khỏi, gồm ba:

1. Bảo im lặng mà đi.
2. Quở trách bảo chẳng nên phỉ báng Phật.
3. Chánh thức chỉ dạy.

Câu “Thưa ngài A-nan! Hãy im lặng mà đi!” là lời răn bảo thứ nhất. Miệng không nói lời bệnh nên cần phải im lặng, thân đi xa cầu xin nên cần phải trở về. Từ câu “Chớ phỉ báng...” là phần quở trách; nói “chớ phỉ báng Như Lai” là để ngăn dứt lời của A-nan. Phật thật không bệnh mà nói có bệnh là oan cho Phật, vì thế nói báng Phật. Phỉ báng Phật thì bị tổn hại chính mình, vì thế phải ngăn chặn. “Chớ làm cho những kẻ khác...” là ngăn cấm việc lan truyền, lan truyền sẽ làm tổn hại người khác, nên cần phải ngăn cấm. Người thì có người chánh kể

tà, kẻ tà nghe được thì hủy báng, vì thế phải ngăn cấm. “Chớ để người khác nghe những lời thô kém này”, nói Thế Tôn bệnh là phỉ báng, nên gọi là lời thô kém. Người chánh nghe thì than thở, nên cũng phải ngăn chặn. Vì thế nói chớ khiến cho các trời Đại Oai Đức, Bồ-tát ở phương khác nghe được những lời này. Từ câu “Chuyển luân Thánh vương...” trở xuống là đoạn ba, dùng lý chỉ dạy. “Chuyển luân Thánh vương chỉ được một ít phước mà còn không bệnh” là nêu lên người kém để so sánh với bậc thù thắng. “Huống gì Như Lai có vô lượng phước đức...” là luận bậc thù thắng hơn người kém.

Đoạn thứ ba, thôi thúc khiến đi nhanh, gồm hai câu:

1. Thôi thúc thân đi nhanh.
2. Ngăn cấm miệng nói.

“Đi đi ngài A-nan” là câu thứ nhất, chóng rời đây mà đi, gọi là “Hành hỷ” (đi đi). “Chớ khiến cho...” là câu hai, ngăn cấm miệng nói. “Chớ khiến chúng tôi chịu sự sỉ nhục này”, là nêu lên lỗi để ngăn chặn chung tất cả. “Đức Phật là Thầy của thế gian” là nêu việc tất cả thế gian cùng tôn kính, mà nói có bệnh, nên ông Duy-ma ngăn chặn đây kia đồng chịu xấu hổ, vì thế nói “Chớ làm cho chúng tôi chịu sự sỉ nhục này”. “Ngoại đạo, Phạm chí,...” là nêu lỗi để ngăn chặn riêng. Ngoại đạo, phạm chí là nêu người phỉ báng sẽ được ngăn chặn. Lập đạo lý ngoài Phật pháp gọi là ngoại đạo; chuyên tâm cầu thanh tịnh, gọi là phạm chí. “Nếu nghe lời này” là nêu nguyên do phỉ báng. Nghe lời nói Phật có bệnh của A-nan, liền suy nghĩ rằng: “Đã gọi là Thầy, là nói về tâm xem thường. “Bệnh mình chẳng cứu chữa được, mà thường cứu bệnh người ư?” là nói về lời xem thường.

Thứ tư, bảo nên lắng lắng mà đi, gồm ba câu:

1. Khuyến thân nên chóng lắng lắng mà đi, chẳng để cho họ ngầm thấy, chẳng để cho họ chóng biết, vì nghĩa này nên phải mau chóng đi khỏi.
2. Ngăn cấm lời nói, chớ để kẻ khác nghe được.
3. Khai sáng tâm A-nan, dùng lý chỉ dạy.

Trong đây, đầu tiên là nói về chỗ đúng, từ câu “Chẳng phải tư, dục...” là nêu chỗ sai. Câu “như thân này...” kết luận này là đúng, khác này là sai. Trong phần nêu chỗ đúng, văn kinh ghi “thân Như Lai là Pháp thân” là nêu chung để so sánh hiển bày, hầu chỉ ra ứng thân Phật là pháp thân công đức chân thật, là thân pháp tánh chân thật, như phẩm Kim Cang Thân, kinh Niết-bàn và phẩm thấy Phật A-súc của kinh này đã nói rõ. Trong đoạn nêu chỗ sai có nói “chẳng phải thân tư, dục”, là

lià nhân phần đoạn; “Phật là Thế Tôn, vượt ngoài ba cõi” là lià quả phần đoạn. “Thân Phật vô lậu, các lậu đã hết”, là xa lià nhân biến dịch, không lậu nào chẳng tận trừ. Nghĩa là vô minh trụ địa, nơi Phật đều hết sạch. “Thân Phật vô vi chẳng rơi vào số lượng” là xa lià quả biến dịch, tức chẳng rơi vào số lượng hữu vi sinh diệt, cũng chẳng rơi vào số chúng sinh. “Thân như thế thì có bệnh gì?” kết luận này là đúng, khác là điều sai. Pháp thân như thế cho đến thân vô vi chẳng rơi vào số lượng, các khổ hoạn vĩnh viễn không còn, thì nào có bệnh gì?

Phần ba, A-nan tự nêu chỗ sót kém của mình cho Đức Phật biết. “Bạch Thế Tôn! Bấy giờ con thật ôm lòng hổ thẹn, được gần Phật không lẽ nghe lầm”. Nói “Bấy giờ”, tức thời gian bị quở trách khi xưa; nói “con” tức ngài A-nan tự xưng; nói “Thế Tôn” tức ngài A-nan thành thật thuật lại với Phật. “Thật ôm lòng hổ thẹn...” là tự nói tâm mình thật có hổ thẹn. Hổ thẹn vì lời nói của mình, hổ thẹn vì trước nói Như Lai có bệnh cần sữa. “Được gần Phật chẳng lẽ nghe lầm...” là nghi những điều mình đã nghe. Như ông Duy-ma-cật nói Phật thật không có bệnh, mà ta nói có bệnh cần sữa, chẳng lẽ chính ta gần bên Phật lại nghe lầm ư?

Phần bốn, trên không trung phát ra âm thanh để hòa hợp hai nhà. “Liên nghe trên hư không có tiếng nói” là nêu tổng quát. Lúc ấy ai nói ra? Có thể là Phật, có thể là ông Duy-ma, có thể là chư Thiên có thần lực lớn phát ra. Sau đây là phân biệt hiển bày.

“Như lời cư sĩ nói” là ấn chứng lời của ngài Duy-ma, nói chân thân Phật không có bệnh là sự thật. Câu “Nhưng Phật vì...” trở xuống là thuật lời A-nan, nói ứng thân Phật có bệnh cần sữa cũng chẳng sai. “Nhưng Đức Phật xuất hiện ở đời ác năm trước, thị hiện pháp này để độ thoát chúng sinh”, đây là nhằm vào lời nói mình nghe lầm của A-nan trước kia, để xác định là không nghe lầm. Năm trước như kinh đã nói:

1. Mạng trước tức thọ mạng ngắn ngủi, người đời hiện nay thọ mạng cao nhất là một trăm tuổi.
2. Chúng sinh trước tức chúng sinh không có nhân hạnh.
3. Phiền não trước tức các kết sử tham sân si tăng trưởng mạnh.
4. Kiến trước tức tà kiến mạnh mẽ.
5. Kiếp trước tức gặp kiếp đói khát, bệnh dịch và đao binh.

Khi năm trước này phát khởi mạnh mẽ gọi là ác thế, lúc bấy giờ Đức Phật xuất hiện ở đời; “Hiện hành pháp này để độ chúng sinh” tức thị hiện có bệnh xin sữa để độ sinh, sự việc như kinh đã nói. Lúc Đức Phật đang ở tại thành Tỳ-da-ly, thì có một Bà-la-môn tà kiến chẳng tin, nhà có nuôi bò sữa hung dữ, người chẳng dám đến gần. Đức Phật muốn

độ Bà-la-môn này nên nói có bệnh cần sữa để chữa trị. Ngài A-nan vì Phật nên ôm bát đến cửa nhà người này, Bà-la-môn thấy A-nan đến thì giận dữ hỏi rằng: “Ông cần gì?”. A-nan liền đáp: “Đức Phật bị bệnh cần sữa, cho nên tôi đến đây cầu xin”. Bà-la-môn nghe xong nghĩ rằng: “Có thể bảo người này tự vắt sữa, để cho bò dữ húc chết”; nghĩ xong, Bà-la-môn nói với A-nan rằng; “Nếu cần thì tự đến vắt lấy”; ngài A-nan đáp: “Vâng!” rồi đi đến chuồng bò, bò tự dang hai chân để A-nan tự do vắt sữa. Bò lại nói rằng: “Xin để lại một ít cho bò con, còn bao nhiêu đều dâng cúng Phật”. Bò con liền nói: “Dâng hết cho Như Lai, con dùng cỏ và nước cũng được”. Lúc ấy Bà-la-môn đang đứng một bên, thấy thế liền hối hận tự trách rằng mình không bằng loài bò, không biết phước điền mà sinh ác tâm này. Do đó ông đến trụ xứ Phật quy y và kính tin Tam bảo. Vì thế nói “hiện hành độ thoát chúng sinh”.

“Đúng vậy! A-nan hãy nhận sữa đi, chớ nên hổ thẹn!”, câu này nhằm vào câu “A-nan ôm lòng hổ thẹn” ở trước mà khuyên chớ nên hổ thẹn. Khuyên A-nan thực hành pháp khát cầu, cho nên nói “Đúng vậy!” khuyên A-nan nhận sữa, cho nên nói “Hãy lấy sữa đi!” vì hành khát là việc đáng làm của bậc Thánh, cho nên khuyên chớ nên hổ thẹn.

“Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma có trí tuệ biện tài như thế”, đây là đoạn thứ năm kết luận tán thán ông Duy-ma. Đầu tiên là từ chối, sau là giải thích cho nên đến đây là kết luận.

Từ trên đến đây là bảo riêng mười vị đến thăm bệnh, từ câu “Năm trăm đệ tử như thế...” là nêu tổng quát những đệ tử Thanh văn khác; lúc bấy giờ Như Lai mỗi mỗi đều sai bảo, khó có thể kể ra hết, cho nên nhà kết tập kinh nêu chung như thế.
